

Số: 1557/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 13 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Công Thương/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Bình Dương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 776/TTr-SCT ngày 01 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 149 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Bình Dương (*Cụ thể: 133 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; 13 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3722/QĐ-UBND, ngày 31/12/2016 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *K*

- Cục KSTTHC - VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KSTT, KTN, Website;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, Hiếu.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG/
UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm
2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẤP TỈNH

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	I	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
1	1	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01
2	2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	06
3	3	Thông báo thực hiện khuyến mại	09
4	4	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	11
5	5	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	13
6	6	Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	17
7	7	Chấp thuận đăng ký tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ	20
	II	Lĩnh vực Giám định thương mại	
8	1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	23
9	2	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	26
10	3	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu Đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương <i>(áp dụng đối với Thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi)</i>	29

11	4	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (<i>áp dụng đối với Thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi</i>)	36
	III	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
12	1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	41
13	2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	45
14	3	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	49
15	4	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	53
16	5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	56
17	6	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	59
18	7	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	62
19	8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	66
20	9	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	70
21	10	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	73
22	11	Cấp sửa sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	78
23	12	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	82
24	13	Cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	85
25	14	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	89
26	15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	93
27	16	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	97
28	17	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	102

29	18	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	105
30	19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	108
31	20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	112
32	21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	115
33	22	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai	118
34	23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	121
35	24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	125
36	25	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	128
37	26	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào phương tiện vận tải	131
38	27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	134
39	28	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	137
40	29	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	140
41	30	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG	143
42	31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	146
43	32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	149
44	33	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	152
45	34	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG	155
46	35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	158
47	36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	161
48	37	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	164
49	38	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG	167
50	39	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	170

51	40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	174
52	41	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	177
53	42	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	180
54	43	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	183
55	44	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	187
56	45	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	190
57	46	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LNG vào phương tiện vận tải	193
58	47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	196
59	48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	199
60	49	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	202
61	50	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LNG	205
62	51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	208
63	52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	212
64	53	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	215
65	54	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp CNG vào phương tiện vận tải	218
66	55	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	221
67	56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	224
68	57	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	227
69	58	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp CNG	230
	IV	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng	
70	1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	233

71	2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	236
72	3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	239
	V	Lĩnh vực công nghiệp địa phương	
73	1	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	242
	VI	Lĩnh vực Công nghiệp nặng	
74	1	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	247
75	2	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn nhóm B, C	252
	VII	Lĩnh vực xuất nhập khẩu	
76	1	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc	258
	VIII	Lĩnh vực Thương mại quốc tế	
77	1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	261
78	2	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</i>)	266
79	3	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (<i>trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	270
80	4	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	273
81	5	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	277
82	6	Chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	281
83	7	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	285

84	8	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	291
85	9	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	296
86	10	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ	299
87	11	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp <i>không thực hiện</i> kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	306
88	12	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải <i>thực hiện</i> kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	311
89	13	Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp thay đổi tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính hoặc tên, địa chỉ, loại hình, giảm diện tích của cơ sở bán lẻ	316
90	14	Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tang diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện ích, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	320
91	15	Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	324
92	16	Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.	329
93	17	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trường hợp giấy bị mất hoặc bị hỏng	335
94	18	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	338
95	19	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	342
	IX	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
96	1	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	347
97	2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	351
98	3	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	354

99	4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	363
100	5	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	367
	X	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	
101	1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở <i>kinh doanh</i> thực phẩm	371
102	2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở <i>kinh doanh</i> thực phẩm (<i>trường hợp giấy bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy</i>)	378
103	3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở <i>sản xuất</i> thực phẩm	381
104	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở <i>sản xuất</i> thực phẩm (<i>trường hợp bị mất, bị hỏng, thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)	387
105	5	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở <i>sản xuất kinh doanh</i> thực phẩm (<i>trường hợp thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>)	390
106	6	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở <i>sản xuất, kinh doanh</i> thực phẩm (<i>trường hợp do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)	397
107	7	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương	400
	XI	Lĩnh vực Điện	
108	1	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	405
109	2	Cấp lại thẻ an toàn điện	407
110	3	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	409
111	4	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3 MW đặt tại địa phương	411

112	5	Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	416
113	6	Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	421
114	7	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	426
115	8	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0.4kV tại địa phương	431
116	9	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	436
117	10	Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (<i>trường hợp bị mất hoặc bị hỏng thẻ</i>)	439
	XII	Lĩnh vực Năng lượng	
118	1	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)	441
	XIII	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	
119	1	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	443
120	2	Cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	447
121	3	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	451
122	4	Đăng ký thực hiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	455
	XIV	Lĩnh vực Hóa chất	
123	1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	457
124	2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	460
125	3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	466

126	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	469
127	5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	472
128	6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	478
129	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>kinh doanh</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	481
130	8	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện <i>sản xuất, kinh doanh</i> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	484
	XV	Lĩnh vực Dầu khí	
131	1	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ 210m ³ đến dưới 5.000m ³	490
132	2	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	495
133	3	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	500

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẤP HUYỆN**

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
01	01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	505
02	02	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	509
03	03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	512
04	04	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	515
	II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
05	01	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	520
06	02	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	525
07	03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	528
08	04	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	532
09	05	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	536
10	06	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	539
11	07	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	542
12	08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	546
13	09	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	549

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẤP XÃ**

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
	I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
14	01	Cấp giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	552
15	02	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	555
16	03	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại	558

BÌNH DƯƠNG